

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/DS-ST
Ngày: 30-6-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Thiện;
2. Ông Đoàn Tấn Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phụng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kiều N, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp H, xã B, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp H, xã B, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Kiều N trình bày:

Ngày 08-7-2016, bà S có hỏi vay bà số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, đến ngày 27-8-2016 bà S tiếp tục hỏi vay bà số tiền 10.000.000 đồng. Cả 02 lần vay tiền bà S đều hẹn khi nào bán heo sẽ trả lại, bà S tự viết và ký nhận mượn 02 khoản tiền này với bà. Ngoài ra, giữa bà và bà S thỏa thuận miệng với

nhau tiền lãi mỗi tháng 2.000.000 đồng trên số nợ gốc 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi vay bà S không trả được khoản tiền nào cho bà kể cả tiền lãi. Thời gian đầu, bà S cho rằng nuôi heo bị dịch bệnh không bán được nên không có tiền trả cho bà. Sau đó, bà có đến nhà đòi nhiều lần nhưng bà S hứa hẹn bán đất lấy tiền trả cho bà. Nay bà S đã bán đất rồi nhưng vẫn không trả tiền nên bà mới khởi kiện tại Tòa án.

Trong đơn khởi kiện ngày 23-11-2021, bà yêu cầu bà S có trách nhiệm trả cho bà số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng và tính tiền lãi theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, nay bà thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà S có trách nhiệm trả cho bà số tiền 40.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà xác định có vay tiền của bà Lê Thị Kiều N nhiều lần, vì bà N chuyên cho người khác vay tiền. Năm 2016 bà nhớ có vay bà N số tiền 40.000.000 đồng nhưng không nhớ chính xác vay ngày tháng nào; trong đó, số tiền 30.000.000 đồng bà vay để chăn nuôi heo, còn số tiền 10.000.000 đồng bà hỏi vay dùm Bé (con của bà Phân) gần nhà với bà và bà N. Bà không nhớ có ký giấy nợ với 02 khoản nợ nêu trên không vì thời gian từ năm 2016 đến nay đã lâu. Đồng thời, ngoài 02 khoản nêu trên, bà cũng có vay tiền góp của bà N nhiều lần nên không nhớ chính xác được. Đối với số tiền 30.000.000 đồng hàng tháng bà phải đóng tiền lãi cho bà N 1.000.000 đồng; do nuôi heo bị thua lỗ nên bà đóng được 07 tháng đến 08 tháng thì không ngưng. Từ đó, bà N mới yêu cầu bà đóng tiền góp mỗi ngày 200.000 đồng, góp trong vòng 06 tháng thì trừ hết khoản nợ 30.000.000 đồng. Khoảng năm 2017 (không nhớ ngày tháng), bà đã góp xong và không còn nợ bà N khoản tiền này nữa. Ngoài ra, bà xác định chữ viết, chữ ký trong tờ giấy mượn tiền ngày 08-7-2016 không phải chữ viết, chữ ký của bà, vì từ trước đến nay khi viết tên bà chỉ viết chữ “S in” chứ không viết chữ “s thường”.

Còn số tiền 10.000.000 đồng, bà xác định giấy nợ đề ngày 28-12-2016 có nội dung “S mượn chị 7 10 triệu tiền góp” phía trên có chữ “Bé” là chữ viết của bà. Bà thừa nhận số tiền 10.000.000 đồng trong tờ giấy này là bà mượn dùm chị Bé (không biết cụ thể họ tên, năm sinh, địa chỉ). Sự việc là sau khi mượn xong thì chị Bé không đóng tiền góp, sau đó bỏ đi nơi khác. Từ đó, bà là người trực tiếp đóng số tiền này hàng ngày cho bà N đến khi góp xong số tiền 10.000.000 đồng. Đối với số tiền 10.000.000 đồng trong giấy mượn tiền đề ngày 27-8-2016, số tiền này bà mượn bà N là tiền đứng, tiền lãi 1.000.000 đồng/tháng. Sau khi mượn bà có đóng tiền lãi cho bà N đến khi không đóng được nữa thì bà mới thỏa thuận với bà N, bà Phân là mẹ của chị Bé với nội dung “để bà Phân đóng tiền

góp thay cho bà khoản tiền này”, bà N và bà Phân đồng ý, hai bên cũng đã thanh toán xong khoản tiền này. Còn việc bà N cho rằng bà hứa hẹn bán đất để trả tiền cho bà N là không đúng sự thật.

Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N, vì số tiền 40.000.000 đồng bà đã trả cho bà N như đã trình bày nêu trên. Đồng thời, việc vay tiền từ năm 2016, nếu bà không trả nhưng vì sao đến nay bà N mới khởi kiện. Do đó, việc bà N khởi kiện bà là vô lý.

Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu bà S có trách nhiệm trả số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng và không yêu cầu tính tiền lãi.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kiều N đối với bà Nguyễn Thị S, buộc bà S có trách nhiệm trả cho bà N số tiền nợ gốc 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng. Về án phí và chi phí tố tụng: đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Kiều N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị S trả số tiền vay còn nợ 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng; bà S có địa chỉ cư trú tại ấp H, xã B, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Bà N khởi kiện yêu cầu bà S có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính tiền lãi; chứng cứ kèm theo là 02 giấy mượn tiền đề ngày 08-7-2016 vay số tiền 30.000.000 đồng và ngày 27-8-2016 vay số tiền 10.000.000 đồng. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, có cơ sở xác định giữa bà N và bà S có việc vay số tiền 40.000.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của bà N đối với từng khoản vay cụ thể như sau:

2.1 Đối với số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng: Bà S không thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy mượn tiền vì cho rằng từ trước đến nay khi viết tên bà chỉ viết chữ “S in” chứ không viết chữ “s thường”. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 492/KL-KTHS ngày 21-4-2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, kết luận: “Chữ viết “Nguyễn Thị S” dưới mục Bên mượn tiền trên 01 (một) “GIẤY MƯỢN TIỀN”, đề ngày 8 tháng 7 năm 2016 (ký hiệu A) với chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M01 đến M04) là do cùng một người viết ra...”. Ngoài ra, bà S cho rằng có nợ và đã thanh toán xong số tiền này cho bà N vào năm 2017. Nhận thấy, ngoài lời trình bày thì bà S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Do đó, bà N cung cấp giấy mượn tiền đề ngày 08-7-2016 và yêu cầu bà S trả số tiền 30.000.000 đồng là có căn cứ.

2.2 Đối với số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng: Bà S trình bày số tiền này bà Phân đã trả trực tiếp cho bà N. Qua làm việc với bà Trần Thị Phân (mẹ ruột của chị Võ Thị Hồng Vân tên thường gọi là Bé) thể hiện “trước đây chị Bé có vay số tiền 10.000.000 đồng của bà S. Sau đó, bà S cùng bà N đến gặp và cho rằng số tiền này bà S mượn bà N dùm cho chị Bé nên yêu cầu bà đóng tiền góp hàng ngày cho bà N đến khi hết nợ. Khi đó bà N có đưa cho bà xem 01 tờ giấy nợ ghi chữ “Bé” phía trên, phía dưới có nội dung mượn 10.000.000 đồng. Từ đó, bà mới đồng ý đóng tiền góp hàng ngày và thanh toán xong cho bà N”. Bên cạnh đó, bà N và bà S đều xác định ngày 28-12-2016, bà S vay số tiền 10.000.000 đồng dùm cho chị Bé và viết giấy mượn tiền phía trên có ghi chữ “Bé”. Xét thấy, lời trình bày cũng như chứng cứ bà N cung cấp phù hợp với lời khai của bà Phân; bà S cho rằng đã thanh toán xong khoản tiền này nhưng không chứng minh được. Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu bà S trả số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng còn nợ là có cơ sở.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về chi phí tố tụng: chi phí giám định 1.620.000 (một triệu sáu trăm hai mươi nghìn) đồng. Do yêu cầu giám định của bà N có căn cứ nên bà S phải chịu chi phí giám định, hoàn trả lại cho bà N số tiền này.

[5] Về án phí: yêu cầu khởi kiện của bà N được chấp nhận nên bà S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kiều N đối với bà Nguyễn Thị S.

Buộc bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kiều N số tiền nợ gốc 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng, không tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Kiều N số tiền 1.620.000 (một triệu sáu trăm hai mươi nghìn) đồng chi phí giám định.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị S chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà Lê Thị Kiều N tiền tạm ứng án phí đã nộp với số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng theo biên lai thu số 0011892 ngày 30-11-2021.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H. Dương Minh Châu;
- CCTHADS H. Dương Minh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; tập án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trúc Linh